

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & KINH DOANH VẬT TƯ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN TP. HỒ CHÍ MINH	
<b>ĐẾN</b>	Số: <u>18.351</u>
	Giờ: ..... Ngày <u>25</u> tháng <u>5</u> năm <u>11</u>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ 1 NĂM 2011**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,591,992,690,324</b>	<b>1,498,765,305,835</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>52,110,196,302</b>	<b>89,417,591,752</b>
1. Tiền	111		47,110,196,302	53,417,591,752
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	36,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>66,179,638,400</b>	<b>77,439,426,200</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	69,919,350,592	81,179,138,392
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3,739,712,192)	(3,739,712,192)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,069,679,192,058</b>	<b>965,540,309,938</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	928,216,235,753	820,658,138,502
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	53,812,689,504	58,626,407,402
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	V.6	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.7	93,838,540,122	92,444,037,355
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.8	(6,188,273,321)	(6,188,273,321)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>328,684,264,475</b>	<b>336,858,171,582</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.9	330,193,183,450	338,367,090,557
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.10	(1,508,918,975)	(1,508,918,975)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>75,339,399,089</b>	<b>29,509,806,363</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1,843,232,909	5,881,398,426
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		309,517,193	3,892,335,502
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nu	154	V.12	4,297,362,073	4,297,362,073
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.13	68,889,286,914	15,438,710,362

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I****Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>393,261,564,910</b>	<b>380,644,587,748</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>313,788,349,636</b>	<b>303,564,477,585</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.14	30,336,461,350	32,763,667,118
<i>Nguyên giá</i>	222		74,373,719,329	74,663,860,928
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44,037,257,979)	(41,900,193,810)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	5,402,702,072	5,483,498,072
<i>Nguyên giá</i>	228		7,668,016,028	7,668,016,028
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,265,313,956)	(2,184,517,956)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	278,049,186,214	265,317,312,395
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>73,292,571,978</b>	<b>73,376,433,234</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	10,124,917,464	10,124,917,464
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	59,122,571,978	59,206,433,234
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	14,170,000,000	14,170,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài h	259	V.20	(10,124,917,464)	(10,124,917,464)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6,180,643,296</b>	<b>3,703,676,929</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	1,910,758,261	1,449,110,033
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	3,961,113,185	1,965,795,046
3. Tài sản dài hạn khác	268		308,771,850	288,771,850
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,985,254,255,234</b>	<b>1,879,409,893,583</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I****Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,751,314,038,940</b>	<b>1,625,016,792,414</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,520,786,891,223</b>	<b>1,400,533,184,897</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.23	991,055,844,082	925,367,116,760
2. Phải trả người bán	312	V.24	375,063,629,733	345,897,394,069
3. Người mua trả tiền trước	313	V.25	32,139,844,443	29,509,290,206
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.26	8,740,774,169	4,099,004,573
5. Phải trả người lao động	315		4,409,104,718	6,430,098,096
6. Chi phí phải trả	316	V.27	25,771,116,124	23,074,799,434
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng :	318	V.28	4,943,351,209	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn kl	319	V.29	67,856,816,493	58,757,312,156
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.30	5,515,744,056	5,191,329,349
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.33	5,290,666,196	2,206,840,254
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>230,527,147,717</b>	<b>224,483,607,517</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.31	124,156,789,400	124,056,789,400
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.32	104,773,533,467	98,772,657,367
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.33	1,596,824,850	1,654,160,750
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>226,341,588,735</b>	<b>246,295,398,216</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>226,341,588,735</b>	<b>246,295,398,216</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.34	100,150,690,000	100,150,690,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.34	81,585,637,916	81,585,637,916
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.34	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	681,880,707
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.34	13,052,765,164	11,795,294,630
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.34	10,334,622,865	9,077,152,331
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.34	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.34	21,217,872,790	43,004,742,632
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>7,598,627,559</b>	<b>8,097,702,953</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,985,254,255,234</b>	<b>1,879,409,893,583</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I****Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		385,152,195	385,152,195
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		21,614.25	240,744.02
Euro (EUR)		4,347.08	4,791.63
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2011



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
QUÝ I NĂM 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I NĂM 2011	QUÝ I NĂM 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,010,389,377,244	530,418,318,446
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,010,389,377,244	530,418,318,446
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	973,329,226,622	507,824,939,013
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37,060,150,622	22,593,379,433
6. Doanh thu tài chính	21	VI.3	8,478,427,446	3,292,114,338
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34,395,875,268	12,712,214,140
Trong đó: chi phí lãi vay	23		33,001,086,044	12,579,587,410
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1,360,939,139	1,687,706,071
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9,557,185,992	8,545,763,579
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		224,577,669	2,939,809,981
11. Thu nhập khác	31	VI.7	134,022,412	501,025,683
12. Chi phí khác	32	VI.8	26,040,478	22,564,278
13. Lợi nhuận khác	40		107,981,934	478,461,405
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	476,315,686	697,047,348
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		808,875,289	4,115,318,734
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.26	2,467,335,019	903,403,623
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.22	(1,995,318,139)	312,911,843
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>336,858,409</u>	<u>2,899,003,268</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(499,075,394)	(492,289,499)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>835,933,803</u>	<u>3,391,292,767</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>84</u>	<u>395</u>



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2011

Phạm Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

**QUÝ 1 NĂM 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 1/2011	QUÝ 1/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		808,875,289	4,115,318,734
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.14, V.15	2,517,860,169	2,291,605,170
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.8, V.10, V.20	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.4	(8,639,795,286)	(2,834,787,551)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	33,001,086,044	12,579,587,410
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27,688,026,216	16,151,723,763
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(57,432,670,692)	56,853,916,491
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8,173,907,107	(48,458,792,519)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		40,738,413,639	28,919,031,973
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3,576,517,289	2,469,973,405
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.27, VI.4	(37,929,798,261)	7,400,263,269
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.26	(733,907,127)	(963,441,596)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2,446,138,009	33,861,749,992
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(93,950,173,685)	(87,835,207,761)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(107,423,547,505)</b>	<b>8,399,217,017</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.14, V.16	(7,661,560,396)	(8,313,676,179)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(1,300,000,000)	(2,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	12,559,787,800	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2, V.18, V.19	-	(548,747,638)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	1,392,985,229	2,375,162,312
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4,991,212,633</b>	<b>(8,987,261,505)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	QUÝ I/2011	QUÝ I/2010
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	19,999,356,500
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.23, V.32	889,240,622,811	498,313,903,480
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.23, V.32	(817,551,019,389)	(510,513,616,458)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,564,664,000)	(2,208,000,000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>65,124,939,422</b>	<b>5,591,643,522</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(37,307,395,450)</b>	<b>5,003,599,034</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>VI.1</b>	<b>89,417,591,752</b>	<b>74,372,174,639</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>VI.1</b>	<b>52,110,196,302</b>	<b>79,375,773,673</b>



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2011

Nguyễn Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Phạm Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 của Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh vật tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh vật tư và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ, xây dựng, đầu tư, sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp;  
Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác;  
Đầu tư kinh doanh nhà, xe máy thiết bị, phụ tùng và các phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, các sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm;  
Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi (không được sản xuất vật liệu xây dựng, nhựa, cao su; chế biến thực phẩm tươi sống trong khu dân cư tập trung ở TP. Hồ Chí Minh);  
...
- Tổng số các công ty con** : 02

*Trong đó:*

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01.

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01.

#### 5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Quyền biểu quyết</u>
Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn VINA-PSMC	Lô 1699 Khu công nghiệp Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	70%	60%

#### 6. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Lý do</u>
Công ty C&T Ukraina	Ukraina, Odessa city, Cnhiznui Pereulok 11	Chưa có Báo cáo tài chính

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

### **7. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	Lầu 3-số 49 Lê Quốc Hưng, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	45 %	45 %
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	Số 49 Lê Quốc Hưng, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	41,12%	41,12%
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	Ấp Phước Lộc, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, đường số 2, xã Phước Thiện, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	27,12%	27,12%
Công ty TNHH thương mại xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc	Số 4/4 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký số cái.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### **2. Cơ sở hợp nhất**

#### ***Các công ty con***

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### ***Các công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho:

- Nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho: thực tế đích danh.
- Thành phẩm tồn kho: bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đối với hoạt động xây lắp: được đánh giá theo tỷ lệ hoàn thành công trình.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Máy móc và thiết bị	2-7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

#### 7. Tài sản cố định vô hình

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **10. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 1 - 3 năm.

#### ***Tiền thuê nhà***

Tiền thuê nhà được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo hợp đồng.

#### ***Chi phí phát hành trái phiếu***

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

### **11. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **12. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### **13. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **14. Các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính từ 0,5% đến 2% trên doanh thu.

### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **16. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### **17. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

#### **18. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

#### **19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD  
31/03/2011 : 20.905 VND/USD

#### **20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **21. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được khách hàng phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn, chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### **22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Tập đoàn được trình bày ở thuyết minh VII.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4,843,565,322	2,864,492,814
Tiền gửi ngân hàng	42,266,630,980	50,553,098,938
Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(*)</sup>	5,000,000,000	36,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>52,110,196,302</u></b>	<b><u>89,417,591,752</u></b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng : tại Ngân hàng TMCPQuốc Tế -CN Sài Gòn;

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	9,369,350,592	9,369,350,592
Cổ phiếu	9,369,350,592	9,369,350,592
Đầu tư ngắn hạn khác	60,550,000,000	71,809,787,800
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (*)	10,000,000,000	21,859,787,800
Đầu tư ngắn hạn khác (**)	50,550,000,000	49,950,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>69,919,350,592</u></b>	<b><u>81,179,138,392</u></b>

(\*) Khoản tiền này đã được thế chấp để đảm bảo nợ vay tại các Ngân hàng.

(\*\*) Khoản tiền cho vay.

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Số đầu năm	3.739.712.192
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>3.739.712.192</u></b>

**4. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng thuộc Tổng Công ty xây dựng số 1	18,707,649,393	24,558,992,720
Khách hàng bên ngoài	909,508,586,360	796,099,145,782
<b>Cộng</b>	<b><u>928,216,235,753</u></b>	<b><u>820,658,138,502</u></b>

**5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp xi măng	10,444,386,574	5,475,872,529
Nhà cung cấp dịch vụ - vận chuyển	1,411,045,333	1,346,580,333
Nhà thầu phụ	17,126,016,989	17,069,597,187
Kinh doanh đất	3,778,567,533	3,778,567,533

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp vật tư khác	21,052,673,075	30,955,789,820
<b>Cộng</b>	<b><u>53,812,689,504</u></b>	<b><u>58,626,407,402</u></b>
<b>7. Các khoản phải thu khác</b>	<b><u>Số cuối kỳ</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Bảo Ngọc Tú – tiền hợp tác đầu tư xây dựng chung cư Phú Long	41,109,000,000	41,109,000,000
Phải thu tiền chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH thương mại xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc	36,853,592,928	36,853,592,928
Cổ tức phải thu	1,487,500,198	1,487,500,198
Phải thu khác	14,388,446,996	12,993,944,229
<b>Cộng</b>	<b><u>93,838,540,122</u></b>	<b><u>92,444,037,355</u></b>
<b>8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi :</b>		6.188.273.321
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối năm</b>		<b><u>6.188.273.321</u></b>
<b>9. Hàng tồn kho</b>	<b><u>Số cuối kỳ</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
Nguyên liệu, vật liệu	8,938,149,403	7,195,201,060
Công cụ, dụng cụ	276,254,625	270,615,997
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	193,499,913,629	194,402,279,623
Thành phẩm	5,206,104,528	1,903,244,848
Hàng hóa	117,924,958,912	133,445,038,749
Hàng gửi đi bán	4,347,802,353	1,150,710,280
<b>Cộng</b>	<b><u>330,193,183,450</u></b>	<b><u>338,367,090,557</u></b>
<b>10. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>		
<i>Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:</i>		
Số đầu năm		1.508.918.975
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối năm</b>		<b><u>1,508,918,975</u></b>
<b>11. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	224,261,395	31,272,727	(118,581,882)	136,952,240
Chi phí sửa chữa	782,120,837		(274,827,318)	507,293,519
Chi phí bảo lãnh xây lắp	-			-
Chi phí dự án	201,255,339	13,167,276	(937,034)	213,485,581
Vật tư cho thuê	3,706,413,933		(3,706,413,933)	-
Các chi phí khác	967,346,922	2,499,660,177	(2,481,505,530)	985,501,569
<b>Cộng</b>	<b>5,881,398,426</b>	<b>2,544,100,180</b>	<b>(6,582,265,697)</b>	<b>1,843,232,909</b>

**12. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế khác nộp thừa		
Thuế nhập khẩu tạm nộp	4.297.362.073	4.297.362.073
<b>Cộng</b>	<b>4.297.362.073</b>	<b>4.297.362.073</b>

**13. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	7,108,385,223	6,018,126,289
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	61,780,901,691	9,420,584,073
<b>Cộng</b>	<b>68,889,286,914</b>	<b>15,438,710,362</b>

**14. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	15,147,549,679	53,670,604,437	4,580,503,493	1,265,203,319	74,663,860,928
Tăng trong năm	-	-	-	36,630,000	36,630,000
<i>Mua trong năm</i>				36,630,000	36,630,000
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>					
Giảm trong năm	-	(300,000,000)	-	(26,771,599)	(326,771,599)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		(300,000,000)		(26,771,599)	(326,771,599)
<b>Số cuối năm</b>	<b>15,147,549,679</b>	<b>53,370,604,437</b>	<b>4,580,503,493</b>	<b>1,275,061,720</b>	<b>74,373,719,329</b>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		12,848,231,006	1,718,392,915	794,387,831	15,361,011,752
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	4,979,029,974	32,301,270,743	3,628,379,467	991,513,626	41,900,193,810
Khấu hao trong năm	336,189,825	1,974,471,676	113,841,838	12,560,830	2,437,064,169
Giảm trong năm	-	(300,000,000)	-	-	(300,000,000)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Thanh lý, nhượng bán trong năm</i>		(300,000,000)			(300,000,000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5,315,219,799</b>	<b>33,975,742,419</b>	<b>3,742,221,305</b>	<b>1,004,074,456</b>	<b>44,037,257,979</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	10,168,519,705	21,369,333,706	952,124,070	273,689,637	32,763,667,118
<b>Số cuối năm</b>	<b>9,832,329,880</b>	<b>19,394,862,018</b>	<b>838,282,188</b>	<b>270,987,264</b>	<b>30,336,461,350</b>

**15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	7,537,894,755	130,121,273	7,668,016,028
Tăng trong kỳ			-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7,537,894,755</b>	<b>130,121,273</b>	<b>7,668,016,028</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		118.121.273	118.121.273
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2,061,396,681	123,121,275	2,184,517,956
Khấu hao trong năm	79,796,000	1,000,000	80,796,000
<b>Số cuối năm</b>	<b>2,141,192,681</b>	<b>124,121,275</b>	<b>2,265,313,956</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	5,476,498,074	6,999,998	5,483,498,072
<b>Số cuối năm</b>	<b>5,396,702,074</b>	<b>5,999,998</b>	<b>5,402,702,072</b>

**16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	444,618,660			444,618,660
XDCB dở dang	264,872,693,735	12,731,873,819		277,604,567,554
- Dự án C&T Plaza - Q2	236,360,334,438	9,340,316,180		245,700,650,618
- Dự án cảng Phước Hòa	24,568,411,093	1,249,605,644		25,818,016,737
- Dự án trạm nghiên	2,750,000,000	2,084,259,550		4,834,259,550
- Các công trình khác	1,193,948,204	57,692,445		1,251,640,649
<b>Cộng</b>	<b>265,317,312,395</b>	<b>12,731,873,819</b>		<b>278,049,186,214</b>

**17. Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con - Công ty C&amp;T Ukraina bị loại khỏi quá trình hợp nhất (xem Thuyết minh số I.6).

**18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần	
	Công ty sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	45,0%	8,916,094,714
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biên Tây	41,12%	7,528,488,482
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	27,12%	13,119,285,664
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	40,00%	2,850,252,938
Công ty TNHH thương mại xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc	50%	26,708,450,180
<b>Cộng</b>		<b>59,122,571,978</b>

**19. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty bê tông xây dựng Thăng Long	10,200,000,000	10,200,000,000
Dự án BOT cầu Đồng Nai	2,400,000,000	2,400,000,000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Huy Thục	1,000,000,000	1,000,000,000
Công ty TNHH XD dân dụng và công nghiệp Phía Nam	570,000,000	570,000,000
<b>Cộng</b>	<b>14,170,000,000</b>	<b>14,170,000,000</b>

**20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư của công ty con C&T Ukraina	10.124.917.464	10.124.917.464
<b>Cộng</b>	<b>10.124.917.464</b>	<b>10.124.917.464</b>

**21. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối kỳ
Chi phí trả trước dài hạn -BB Nhơn Trạch		711,272,299	(19,757,564)	691,514,735
Chi phí sửa chữa	367,887,815		(55,183,173)	312,704,642
Tiền thuê nhà	609,000,000		(91,350,000)	517,650,000
Chi phí phát hành trái phiếu	472,222,218		(83,333,334)	388,888,884
<b>Cộng</b>	<b>1,449,110,033</b>	<b>711,272,299</b>	<b>(249,624,071)</b>	<b>1,910,758,261</b>

**23. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	146,374,405,261	146,162,695,983
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	176,736,661,457	199,072,684,532
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 6	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	146,873,272,606	149,591,984,863
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	174,942,851,206	174,982,878,574
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn -Hà Nội - CN Phú Nhuận	80,812,635,633	-
Công ty tài chính CP Xi Măng	56,964,476,473	28,076,971,572
Ngân hàng Cp Quận Đới -CN Chợ Lớn	142,807,082,259	136,268,331,951
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương VN-CN TP HCM	11,722,030,187	18,643,063,885
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	424,000,000	424,000,000
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long - CN Gia Định	41,973,750,000	55,965,000,000
Tổng Công Ty Xây Dựng Số 1	11,424,679,000	16,009,505,400
Vay tổ chức và cá nhân khác		170,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>991,055,844,082</u></b>	<b><u>925,367,116,760</u></b>

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:**

Số đầu năm	925,367,116,760
Số tiền vay phát sinh trong năm	872,091,967,811
Số tiền đã trả trong năm	<u>(806,403,240,489)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>991,055,844,082</u></b>

**24. Phải trả cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án	2,458,112,000	2,458,112,000
Các đơn vị dịch vụ	14,845,444,548	13,921,163,041
Các đơn vị mua ngoài	46,071,624,230	19,614,193,393
Các đơn vị nội bộ	2,448,222,174	2,491,522,845
Các nhà máy thép	238,626,677,372	200,104,430,259
Các nhà máy xi măng	21,174,260,443	59,322,140,918
Các thầu phụ XL	41,742,200,741	39,913,652,824
Các nhà cung cấp khác	7,697,088,225	8,072,178,789
<b>Cộng</b>	<b><u>375,063,629,733</u></b>	<b><u>345,897,394,069</u></b>

**25. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng thuộc Tổng Công ty xây dựng số 1	-	-
Khách hàng bên ngoài	32,139,844,443	29,509,290,206
<b>Cộng</b>	<b><u>32,139,844,443</u></b>	<b><u>29,509,290,206</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,432,489,597	9,782,197,516	(8,526,726,777)	2,687,960,336
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	987,852,802	4,886,710,697	(4,403,568,403)	1,470,995,096
Thuế xuất, nhập khẩu	(3,953,482,635)	3,270,672,692	(2,192,841,122)	(2,875,651,065)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	555,280,383	2,467,335,019	(733,907,127)	2,288,708,275
Thuế thu nhập cá nhân	397,056,657	655,585,608	(619,866,738)	432,775,527
Thuế tài nguyên	97,128,096	203,957,500	(220,003,859)	81,081,737
Các loại thuế khác	285,317,600	175,408,000	(103,183,410)	357,542,190
<b>Cộng</b>	<b>(198,357,500)</b>	<b>21,441,867,032</b>	<b>(16,800,097,436)</b>	<b>4,443,412,096</b>

Trong đó :

Thuế phải nộp Nhà Nước đến 31/03/2011	8,740,774,169
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	(4,297,362,073 )

(\*) Trong đó khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh V.12),

#### Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu:	0%
- Sắt, thép, vận chuyên, cọc ván bê tông, phế liệu:	10%
- Các hoạt động khác:	10%

#### Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

#### Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

### 27. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	4,970,141,057	2,961,213,961
Chi phí khác	20,800,975,067	20,113,585,473
<b>Cộng</b>	<b>25,771,116,124</b>	<b>23,074,799,434</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****29. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các khách hàng xây lắp	12,441,772,555	11,880,807,676
Phải trả cho các khách hàng dịch vụ ủy thác nhập khẩu	-	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	456,804,254	275,577,071
Đất Rạch Giá	7,656,561,600	7,656,561,600
Khu đô thị mới Hà Tiên	29,325,454,522	29,325,454,522
Phải trả khác	17,976,223,562	9,618,911,287
<b>Cộng</b>	<b><u>67,856,816,493</u></b>	<b><u>58,757,312,156</u></b>

**30. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng chi phí bảo hành các công trình xây dựng. Chi tiết số phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	5,191,329,349
Tăng do trích lập trong năm	324,414,707
Số đã sử dụng trong năm	
Số đã hoàn nhập trong năm	
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>5,515,744,056</u></b>

**31. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Đầu tư Xây Dựng Phát triển Sông Đà góp vốn cho dự án quận 2-TP HCM	66,594,289,400	66,594,289,400
Công ty CP Xây Dựng số 5 góp vốn dự án An Phúc -Quận 8	57,562,500,000	57,462,500,000
<b>Cộng</b>	<b><u>124,156,789,400</u></b>	<b><u>124,056,789,400</u></b>

**32. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b><u>28,020,350,736</u></b>	<b><u>24,257,248,236</u></b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	27,350,342,500	23,587,240,000
Ngân hàng Cp Quận Đới -CN Chợ Lớn	670,008,236	670,008,236
<b>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b><u>36,753,182,731</u></b>	<b><u>34,515,409,131</u></b>
Vay dài hạn cá nhân	36,753,182,731	34,515,409,131
Tổng Công ty xây dựng số 1		
<b>Nợ dài hạn</b>	<b><u>40,000,000,000</u></b>	<b><u>40,000,000,000</u></b>
Phát hành trái phiếu-kỳ hạn 3 năm	40,000,000,000	40,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>104,773,533,467</u></b>	<b><u>98,772,657,367</u></b>

**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:**

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	28.020.350.736	28.020.350.736	-	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân	36.753.182.731	36.753.182.731	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Tổng nợ</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>
nhân khác				
Trái phiếu	40.000.000.000		40.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>104,773,533,467</b>		<b>104,773,533,467</b>	-

**Chi tiết số phát sinh như sau:**

Số đầu năm	98,772,657,367
Số tiền phát sinh trong năm	17,148,655,000
Số tiền đã trả trong năm	(11,147,778,900)
<b>Số cuối năm</b>	<b>104,773,533,467</b>

**33. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	1,654,160,750
Số trích lập trong kỳ	
Số chi trong kỳ	(57,335,900)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1,596,824,850</b>

**34. Vốn đầu tư của chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 29

**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	6.564.664.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	
<b>Cộng</b>	<b>6.564.664.000</b>

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.015.069	10.015.069
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.015.069	10.015.069
- Cổ phiếu phổ thông	10.015.069	10.015.069
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.015.069	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.015.069	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Tập đoàn.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của tập đoàn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**35. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu năm	2,206,840,254
Số trích lập trong kỳ	5,029,882,135
Số chi trong kỳ	<u>(1,946,056,193)</u>
Số cuối kỳ	<u><u>5,290,666,196</u></u>

**VI. THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	QUÝ 1 /2011	QUÝ 1 /2010
Tổng doanh thu	<b>1,010,389,377,244</b>	<b>530,418,318,446</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	962,397,547,048	510,736,218,512
- Doanh thu bán hàng thành phẩm	3,584,373,000	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,159,401,166	2,006,125,878
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	-
- Doanh thu hoạt động xây dựng	42,248,056,030	17,675,974,056
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
<b>Doanh thu thuần</b>	<u><b>1,010,389,377,244</b></u>	<u><b>530,418,318,446</b></u>

**2. Giá vốn hàng bán**

	QUÝ 1 /2011	QUÝ 1 /2010
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	928,091,913,065	490,616,976,255
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(a)</sup>	3,019,339,450	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1,801,747,877	1,072,207,517
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	-	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng <sup>(b)</sup>	<u>40,416,226,230</u>	<u>16,135,755,241</u>
<b>Cộng</b>	<u><b>973,329,226,622</b></u>	<u><b>507,824,939,013</b></u>

<sup>(a)</sup> Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau :

	QUÝ 1 /2011	QUÝ 1 /2010
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	6,019,374,135	
Chi nhân công trực tiếp	854,550,850	
Chi phí sản xuất chung	1,517,217,651	
Tổng chi phí sản xuất	8,391,142,636	
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	<u>(375,000)</u>	
Tổng giá thành sản xuất	8,390,767,636	
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	<u>(2,168,881,850)</u>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	QUÝ 1 /2011	QUÝ 1 /2010
Thành phẩm nhập khác		
Chênh lệch hàng gửi đi bán	(3,202,546,336)	
Chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>3,019,339,450</b>	<b>-</b>
<b>(b) Giá vốn hợp đồng xây dựng trong năm như sau:</b>		
	QUÝ 1 /2011	QUÝ 1 /2010
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	19,454,089,330	9,234,940,922
Chi nhân công trực tiếp	461,685,000	946,146,838
Chi phí sử dụng máy thi công		18,018,913,668
Chi phí sản xuất chung	14,527,905,845	1,254,180,999
Tổng chi phí sản xuất	<b>34,443,680,175</b>	<b>29,454,182,427</b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5,972,546,055	-13,318,427,186
<b>Giá vốn của hợp đồng xây dựng</b>	<b>40,416,226,230</b>	<b>16,135,755,241</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	QUÝ 1 /2011	QUÝ 1 /2010
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	633,134,007	319,676,383
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	759,851,222	485,980,392
Lãi bán hàng trả chậm	6,419,005,492	1,947,304,130
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6,533,600
Lãi chuyển nhượng vốn	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	651,042,465	524,239,183
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15,394,260	8,380,650
Doanh thu hoạt động tài chính khác		-
<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>8,478,427,446</b>	<b>3,292,114,338</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	QUÝ 1 /2011	QUÝ 1 /2010
Chi phí lãi vay	33,001,086,044	12,579,587,410
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,233,799,283	49,293,396
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	-
Chi phí tài chính khác	160,989,941	83,333,334
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>34,395,875,268</b>	<b>12,712,214,140</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	QUÝ 1 /2011	QUÝ 1 /2010
Chi phí cho nhân viên	7,930,425	540,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	QUÝ 1 /2011	QUÝ 1 /2010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	758,898,060	1,553,056,594
Chi phí khác	594,110,654	134,109,477
<b>Cộng</b>	<b>1,360,939,139</b>	<b>1,687,706,071</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	QUÝ 1 /2011	QUÝ 1 /2010
Chi phí nhân viên quản lý	5,632,269,960	4,227,568,633
Chi phí vật liệu quản lý	6,191,293	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	5,490,000
Chi phí khấu hao TSCĐ	232,724,374	207,106,974
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	386,199,996	433,143,031
Chi phí bằng tiền khác	3,299,800,369	3,672,454,941
<b>Cộng</b>	<b>9,557,185,992</b>	<b>8,545,763,579</b>

**7. Thu nhập khác**

	QUÝ 1 /2011	QUÝ 1 /2010
Thanh lý tài sản cố định	38,181,818	-
Thu tiền phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng	95,840,594	-
Thu khác	-	501,025,683
<b>Cộng</b>	<b>134,022,412</b>	<b>501,025,683</b>

**8. Chi phí khác**

	QUÝ 1 /2011	QUÝ 1 /2010
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	-
Trả tiền phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng	-	4,000,000
Chi khác	26,040,478	18,564,278
<b>Cộng</b>	<b>26,040,478</b>	<b>22,564,278</b>

**9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh :**

STT	Nội dung điều chỉnh	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phước Hòa	Công ty TNHH thương mại xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc	Tổng cộng
1	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết trong kỳ	50,668,739	369,164,814	248,347,160	(192,872,401)	1,007,374	476,315,686
	<b>Cộng các khoản điều chỉnh</b>	<b>50,668,739</b>	<b>369,164,814</b>	<b>248,347,160</b>	<b>(192,872,401)</b>	<b>1,007,374</b>	<b>476,315,686</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	835,933,803	3,391,292,767
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	835,933,803	3,391,292,767
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	<b>10,004,521</b>	<b>8.577.778</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>84</b>	<b>395</b>

(\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10,000,000	8.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	4,521	577.778
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>10,004,521</b>	<b>8.577.778</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

Nghiệp vụ giữa Công ty mẹ với các công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Nghiệp vụ giữa Công ty mẹ với các công ty con và công ty liên kết được công bố trong Báo cáo tài chính riêng của từng công ty.

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty xây dựng số 1	Cổ đông chiếm 34,45% vốn điều lệ
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	Công ty liên kết chiếm 41,12% vốn điều lệ
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	Công ty liên kết chiếm 45 % vốn điều lệ
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	Công ty liên kết chiếm 40,00 % vốn điều lệ
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	Công ty liên kết chiếm 27,12% vốn điều lệ
Công ty TNHH thương mại – xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc	Công ty liên kết chiếm 50% vốn điều lệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tổng Công ty xây dựng số 1</b>		
Thực hiện xây lắp		
Bán vật tư		24,527,571,253

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bán vé máy bay	53,413,000	1,806,766,896
<b>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây</b>		
Bán vật tư + lãi chậm trả	116,500,000	407,722,842
Khai thác đá	1,665,985,590	7,020,619,150
Giao thầu xây lắp	1,497,720,128	10,676,855,132
Mua vật tư	22,515,769,829	91,292,496,077
Thu hoàn ứng		
Cho vay	1,500,000,000	245,295,154
Cổ tức		1,712,550,000
<b>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích</b>		
Bán vật tư + lãi chậm trả	21,190,026,989	76,632,774,498
Mua vật tư	18,395,520,302	15,734,783,601
Thu hồi tiền ứng mua vật tư		
<b>Công ty CP đầu tư &amp; XD Phước Hòa</b>		
Giao thầu xây lắp		57,400,082,694
Bán vật tư	167,950,000	5,509,838,751
Mua vật tư		366,287,240
Cho thuê thiết bị	263,485,023	3,520,621,865
Cho vay	3,000,000,000	
<b>Công ty CP bao bì Nhơn Trạch</b>		
Bán vật tư		384.226.918
Mua vật tư		

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tổng Công ty xây dựng số 1</b>		
Thực hiện xây lắp		
Bán vật tư	18,643,719,893	24,527,571,253
Bán vé máy bay	63,929,500	233,460,500
<b>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây</b>		
Bán vật tư	9,000,000	
Mua vật tư ( ứng trước tiền hàng)		3,949,636,923
Khai thác đá Trà Đuốc	4,087,476,548	2,421,490,958
Cho vay	1,325,602,000	
Cổ tức	1,286,530,864	1,286,530,864
<b>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích</b>		
Bán vật tư	9,098,474,978	6,941,561,789
Ứng trước tiền mua vật tư	482,502,965	12,531,091,787
<b>Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Công ty CP đầu tư &amp; XD Phước Hòa</b>		
Giao thầu xây lắp	2.460.620.039	
Bán vật tư	124.000.000	86,028,750
Cho thuê thiết bị	263.485.023	231,754,279
Cho vay	8,900,000,000	5,900,000,000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>44,021,236,748</b>	<b>58,109,127,103</b>
<b>Tổng Công ty xây dựng số 1</b>		
Tiền cổ tức	4,827,499,031	1,377,499,031
Tiền vốn vay các hợp đồng tín dụng	11,424,679,000	16,009,505,400
Lãi vay các hợp đồng tín dụng	541,620,000	248,147,000
<b>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây</b>		
Giao thầu xây lắp	6.358.173.686	5,038,771,358
Mua vật tư ( S-059)	9,887,384,636	
Bán vật tư (ứng trước tiền hàng )		107,500,000
<b>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích</b>		
Mua vật tư		
<b>Công ty CP đầu tư &amp; XD Phước Hòa</b>		
Giao thầu xây lắp		4,125,572,476
<b>Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch</b>		
Mua vật tư		
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>33,039,356,353</b>	<b>26,906,995,265</b>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.



**Nguyễn Thị Thanh Hương**  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2011

**Phạm Anh Tuấn**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80,000,000,000	61,375,354,000	-	(46,039,928)	9,906,286,807	6,590,875,607	39,091,543,170	196,918,019,656
Tăng vốn trong năm	20,150,690,000	20,210,283,916	-	-	-	-	-	40,360,973,916
Bán cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	-	727,920,635	-	-	-	727,920,635
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	20,346,060,120	20,346,060,120
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	1,889,007,823	2,486,276,724	(5,692,811,686)	(1,317,527,139)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(7,000,000,000)	(7,000,000,000)
Giảm khác (*)	0	0	0	-	0	0	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>100,150,690,000</b>	<b>81,585,637,916</b>	-	<b>681,880,707</b>	<b>11,795,294,630</b>	<b>9,077,152,331</b>	<b>(3,740,048,972)</b>	<b>(3,740,048,972)</b>
Số dư đầu năm nay	100,150,690,000	81,585,637,916	-	681,880,707	11,795,294,630	9,077,152,331	43,004,742,632	246,295,398,216
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	835,933,803	835,933,803
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	1,257,470,534	1,257,470,534	(7,600,200,145)	(5,085,259,077)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(15,022,603,500)	(15,022,603,500)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi khác	-	-	-	(681,880,707)	-	-	-	(681,880,707)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>100,150,690,000</b>	<b>81,585,637,916</b>	-	-	<b>13,052,765,164</b>	<b>10,334,622,865</b>	<b>21,217,872,790</b>	<b>226,341,588,735</b>

  
 Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2011

  
 Phạm Anh Tuấn  
 Tổng Giám đốc

## GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011

Công ty CP Xây dựng & Kinh Doanh Vật tư giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2011 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	QUÝ 1/2011	QUÝ 1/2010
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	1,010,389,377,244	530,418,318,446
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	336,858,409	2,899,003,268
3	Lợi ích cổ đông thiểu số	(499,075,394)	(492,289,499)
4	Lợi nhuận sau thuế	835,933,803	3,391,292,767

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý 1/2011 so với Quý 1/2010 của Tập đoàn tăng; tuy nhiên lợi nhuận sau thuế Quý 1/2011 của tập đoàn giảm so với Quý 1/2010.

**Nguyên nhân:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 1/2011 tăng so với quý 1/2010 :do Tập đoàn đã đẩy mạnh việc bán hàng đồng thời do giá mua hàng tăng dẫn đến giá bán tăng so với cùng kỳ năm trước cho nên lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ không có sự biến động đáng kể.
- Lợi nhuận sau thuế quý 1/2011 lỗ : do chi phí sử dụng vốn tăng.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2011

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & KINH DOANH VẬT TƯ



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHẠM ANH TUẤN**